

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37/2020/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 01 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định một số nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định một số nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2419/TTr-STC ngày 14 tháng 8 năm 2020 và Báo cáo kết quả thẩm định số 1526/BC-STP ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; gồm 3 Chương, 15 Điều.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 11 tháng 9 năm 2020.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lưu Xuân Vĩnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Một số nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy định một số nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

b) Các nội dung, mức chi khác không quy định tại quy định này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông và quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

b) Cơ quan quản lý Nhà nước về hoạt động khuyến nông.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông và nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông

1. Nguồn kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông.

Thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.

2. Nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông.

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.

Chương II

NỘI DUNG CHI VÀ MỨC HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG

Điều 3. Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

Chế độ của các tổ chức, cá nhân tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ thực hiện theo định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành. Quy định này quy định cụ thể một số nội dung chi, mức chi sau:

1. Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn:

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; Quyết định số 65/2015/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc quy định định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành quy định một số chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 63/2018/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành quy định một số nội dung và mức chi kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê của tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại tỉnh, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Chi thù lao giảng viên, trợ giảng; phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật:

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận quy định một số nội dung và mức chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng trong nước đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

3. Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập (nếu có); vật tư thực hành lớp học; thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác):

Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan.

4. Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ và đối tượng chuyển giao công nghệ:

a) Đối với đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ:

- Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách Nhà nước được hỗ trợ:

+ Tài liệu học: hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo);

+ Chỗ ở: đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo hóa đơn thực tế quy định tại Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành quy định một số chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách Nhà nước được hỗ trợ:

+ Tài liệu học: hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo);

+ Tiền ăn: hỗ trợ 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành quy định một số chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

+ Tiền đi lại: hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng bãi ngang theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên;

+ Chỗ ở: đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo hóa đơn thực tế quy định tại Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành quy định một số chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

b) Đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ:

- Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ:

+ Tài liệu học: hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo);

+ Tiền ăn: hỗ trợ 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành quy định một số chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

+ Tiền đi lại: hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng bãi ngang theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên;

+ Chỗ ở: Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo hóa đơn thực tế quy định tại Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành quy định một số chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp được hỗ trợ:

+ Tài liệu học: hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo);

+ Tiền ăn: hỗ trợ tiền ăn 50% mức quy định đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo nêu trên;

+ Tiền đi lại: hỗ trợ tiền đi lại 50% mức quy định đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo nêu trên;

+ Chỗ ở: đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 50% chi phí theo hóa đơn thực tế quy định tại Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành quy định một số chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) khi tham dự đào tạo.

5. Chi khảo sát, học tập trong và ngoài nước

a) Đối với khảo sát, học tập trong nước, mức chi theo quy định tại Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành quy định một số chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, riêng mức chi hỗ trợ tiền ăn áp dụng theo quy định tại Khoản 4 Điều này.

b) Đối với khảo sát, học tập ngoài nước, mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước đảm bảo kinh phí.

Điều 4. Thông tin tuyên truyền

1. Chi hoạt động tuyên truyền qua hệ thống truyền thông đại chúng; xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông:

a) Hàng năm, căn cứ nhu cầu và khả năng kinh phí khuyến nông dành cho hoạt động thông tin tuyên truyền, cơ quan khuyến nông xây dựng nhiệm vụ thông tin tuyên truyền khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

b) Chi nhuận bút cho tác phẩm (tin, bài, ảnh, thơ, clip, ...) đăng trên Bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng). Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản; Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác và Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chế độ nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm được đăng trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Ninh Thuận.

2. Chi tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập.

a) Nội dung chi, mức chi: thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

b) Riêng mức chi chủ tọa và ban cố vấn, báo cáo viên, bồi dưỡng viết báo cáo diễn đàn, tọa đàm, hội thảo được vận dụng mức chi quy định tại điểm c khoản 1 Điều 1 Quyết định số 65/2015/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận quy định định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

3. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, Hội nghị giao ban khuyến nông vùng.

Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

4. Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp Việt Nam cấp khu vực, cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng (trên cơ sở giá đấu thầu, trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt); chi thông tin tuyên truyền hội chợ, chi hoạt động của Ban tổ chức hội chợ, triển lãm.

5. Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông.

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Đề án xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 và Thông tư liên tịch số 43/2012/TTLT-BTC-BLĐT BXH ngày 14 tháng 3 năm 2012 của liên Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định nội dung và mức chi hoạt động thi tay nghề các cấp.

6. Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông:

Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của liên Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Thông tin và truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước.

Điều 5. Xây dựng và nhân rộng mô hình

1. Tổ chức, cá nhân là đối tượng chuyển giao và nhận chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ được hưởng các chính sách hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn và nhân rộng mô hình theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Nội dung, quy mô, định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng và nhân rộng mô hình thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Một số nội dung chi, mức chi

a) Chi hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu:

Mức chi thực hiện theo quy định tại Điểm a, Điểm b và Điểm c Khoản 1 Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình:

- Chi tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ, xăng xe, thuê xe. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành và hợp đồng với nhà cung cấp được lựa chọn;

- Chi hỗ trợ tiền ăn theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 Quy định này; chi hỗ trợ tiền nước uống theo quy định tại Điều 10 Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận;

- Chi bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên (đã bao gồm biên soạn tài liệu). Mức chi thực hiện theo quy định tại Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận quy định một số nội dung và mức chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng trong nước đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

c) Chi thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình: mức chi áp dụng theo quy định tại Điều 3 và Khoản 2 Điều 4 Quy định này.

d) Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng mức lương cơ sở/22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê.

Điều 6. Hoạt động tư vấn và dịch vụ khuyến nông

1. Nội dung hoạt động và phương thức tổ chức tư vấn, dịch vụ khuyến nông thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Mức chi

a) Đối với tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quy định này.

b) Đối với tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

c) Đối với tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng: mức chi thực hiện theo thỏa thuận, hợp đồng căn cứ quy định pháp luật liên quan.

Điều 7. Hợp tác quốc tế về khuyến nông

1. Nội dung hoạt động và phương thức tổ chức hợp tác quốc tế về khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Mức chi

a) Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành, theo các hiệp định, nghị định thư hoặc thỏa thuận, hợp đồng chuyên giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

b) Đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào làm việc: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy

ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại tỉnh, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 8. Nội dung chi khác

1. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông.

Áp dụng theo Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn Nhà nước.

2. Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Mức chi theo hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa các bên liên quan theo quy định pháp luật.

3. Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông.

Thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Quản lý nhiệm vụ khuyến nông

a) Cơ quan quản lý kinh phí khuyến nông được sử dụng 3% kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao hàng năm để phục vụ công tác quản lý khuyến nông, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí trước khi thực hiện. Một số nội dung chi được quy định như sau:

- Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược phát triển khuyến nông, định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ khuyến nông; xây dựng, khảo sát đánh giá, kiểm tra giám sát, nghiệm thu, quyết toán, tổng kết, báo cáo và quản lý các chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông, gồm: Chi thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê phương tiện, vé máy bay và chi khác (nếu có) theo định mức, chế độ tài chính hiện hành.

- Chi hội đồng tư vấn, thẩm định, xác định, đánh giá, nghiệm thu chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông. Các đơn vị căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN của Liên Bộ trưởng Bộ Tài chính - Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước và Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 65/2015/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc quy định định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận để triển khai thực hiện.

b) Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông được trích 5% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến nông theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Lập dự toán kinh phí khuyến nông cấp tỉnh để tổng hợp vào dự toán ngân sách Nhà nước của Sở, gửi Sở Tài chính xem xét, tổng hợp vào dự toán ngân sách địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

2. Căn cứ vào dự toán được cấp có thẩm quyền giao, thực hiện việc phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc có chức năng, hoạt động về khuyến nông theo chi tiết từng nội dung, chương trình để triển khai thực hiện.

3. Theo dõi đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kinh phí chương trình khuyến nông trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp dự toán kinh phí khuyến nông hàng năm vào dự toán chi ngân sách tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

2. Kiểm tra việc phân bổ, giao dự toán kinh phí khuyến nông chi tiết theo đơn vị và nội dung do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Thẩm định quyết toán năm do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

1. Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí khuyến nông cấp huyện theo quy định hiện hành; đồng thời phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp tỉnh thường xuyên thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông trên địa bàn.

2. Phê duyệt chi tiết từng nội dung, chương trình, chi mua sắm trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn.

3. Theo dõi, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kinh phí chương trình khuyến nông trên địa bàn huyện, thành phố theo quy định.

4. Chỉ đạo các phòng chuyên môn lập dự toán kinh phí khuyến nông cấp huyện theo phân cấp ngân sách và tổng hợp chung cùng thời điểm xây dựng dự toán gửi cơ quan tài chính cùng cấp xem xét, tổng hợp vào dự toán ngân sách địa phương trình cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

1. Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí khuyến nông cấp xã theo quy định hiện hành; đồng thời phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp trên thường xuyên thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông trên địa bàn.

2. Theo dõi, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kinh phí chương trình khuyến nông trên địa bàn theo quy định.

3. Chỉ đạo phòng chuyên môn có trách nhiệm lập dự toán kinh phí khuyến nông cấp xã theo phân cấp ngân sách và tổng hợp chung cùng thời điểm xây dựng dự toán gửi cơ quan tài chính cùng cấp xem xét, tổng hợp vào dự toán ngân sách địa phương trình cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 13. Trách nhiệm của các đơn vị trực tiếp sử dụng kinh phí khuyến nông

1. Thực hiện việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông được cấp hàng năm theo dự toán được phê duyệt; thanh quyết toán kinh phí được cấp theo quy định hiện hành.

2. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng Nhà nước trong việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông được cấp.

3. Theo dõi, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chương trình khuyến nông được giao về cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định.

Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước ngày Quy định này có hiệu lực và đang thực hiện thì được tiếp tục thực hiện theo dự toán đã phê duyệt. Trường hợp đề xuất thực hiện theo quy định tại Quy định này thì đơn vị chủ trì chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh chương trình, dự án, kế hoạch và dự toán theo quy định tại Quy định này và trong phạm vi dự toán được giao.

2. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán, đơn vị chủ trì chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán theo quy định tại Quy định này.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức phản ánh bằng văn bản gửi về Sở Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lưu Xuân Vĩnh